

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn

Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hạ tầng Kỹ thuật;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh tại khu vực đô thị và khu công nghiệp.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Cấp nước an toàn là việc cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực, liên tục, đủ lượng nước, đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn quy định.

2. Bảo đảm cấp nước an toàn là những hoạt động nhằm giảm thiểu, loại bỏ, phòng ngừa các nguy cơ, rủi ro gây mất an toàn cấp nước từ nguồn nước qua các công đoạn thu nước, xử lý, dự trữ và phân phối đến khách hàng sử dụng nước.

3. Kế hoạch cấp nước an toàn là các nội dung cụ thể để triển khai thực hiện việc bảo đảm cấp nước an toàn.

Điều 3. Yêu cầu về bảo đảm cấp nước an toàn

1. Bảo đảm duy trì áp lực cấp nước, cung cấp ổn định, đủ lượng nước và bảo đảm chất lượng nước cấp theo quy chuẩn quy định.

2. Có các giải pháp đối phó với các sự cố bất thường và các nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra trong toàn bộ quá trình sản xuất, cung cấp nước sạch từ nguồn đến khách hàng sử dụng nước.

3. Góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu các bệnh tật liên quan đến nước, phòng ngừa dịch bệnh và phát triển kinh tế xã hội.

4. Góp phần giảm tỷ lệ thất thoát, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

Điều 4. Nội dung kế hoạch cấp nước an toàn

1. Đánh giá hiện trạng hoạt động của hệ thống cấp nước bao gồm:

a) Nguồn nước, phạm vi cấp nước, vị trí thu, xử lý, dự trữ, vận chuyển và phân phối nước;

b) Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống cấp nước;

c) Các thông tin cơ bản về khách hàng sử dụng nước.

2. Xác định, phân tích và đánh giá mức độ các nguy cơ, rủi ro đối với hệ thống cấp nước bao gồm:

a) Các nguy cơ, rủi ro từ nguồn nước, lưu vực;

b) Các nguy cơ, rủi ro về mặt hoá học, lý học và sinh học theo quy trình công nghệ hệ thống cấp nước;

c) Các nguy cơ, rủi ro đối với việc bảo đảm cấp nước liên tục, lưu lượng và áp lực trong mạng lưới cấp nước đến khách hàng sử dụng nước;

d) Xác định thứ tự ưu tiên về các nguy cơ, rủi ro để đề xuất các biện pháp kiểm soát và phòng ngừa.

3. Xác định các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro và lập kế hoạch triển khai áp dụng bao gồm:

a) Rà soát các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục đang áp dụng;

b) Đề xuất các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục bổ sung;

c) Lập kế hoạch triển khai áp dụng các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục rủi ro.

4. Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục các nguy cơ, rủi ro.

5. Lập kế hoạch, quy trình ứng phó với biến đổi xảy ra trong điều kiện vận hành có sự cố, mất kiểm soát và tình huống khẩn cấp bao gồm:

a) Phát hiện và thông báo sự cố;

- b) Bảo đảm thông tin, liên lạc kịp thời, liên tục, đúng đối tượng;
- c) Xác định nguyên nhân sự cố;
- d) Xác định các hành động cần thiết để ứng phó với sự cố;
- d) Thực hiện các hành động ứng phó;
- e) Xử lý sự cố, khôi phục và cung cấp ổn định cho khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng và các quy định riêng của hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết;
- f) Xác định hậu quả trước mắt và lâu dài;
- g) Giải trình, báo cáo;
- h) Lưu trữ thông tin, số liệu về sự cố và các biện pháp khắc phục;
- i) Đánh giá tổng thể sự cố và đề xuất các giải pháp phòng ngừa và xử lý các sự cố có thể xảy ra trong tương lai.

6. Xây dựng các tiêu chí, các chỉ số giám sát và giới hạn kiểm soát để đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn bao gồm:

- a) Chất lượng nước sử dụng cho mục đích ăn uống, sinh hoạt và các mục đích khác;
- b) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng dịch vụ cấp nước theo quy định;
- c) Các yêu cầu về quản lý chất lượng theo hệ thống quản lý ISO: 9000.

7. Quản lý cơ sở dữ liệu có liên quan về cấp nước an toàn:

- a) Lập danh mục các văn bản, tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác cấp nước an toàn;
- b) Xây dựng hệ thống và quy trình kiểm soát tài liệu;
- c) Lập hệ thống quản lý hồ sơ và hỗ trợ lưu giữ hồ sơ;
- d) Lập kế hoạch định kỳ rà soát các văn bản, tài liệu và chỉnh sửa khi cần thiết;
- d) Lưu giữ hồ sơ, quản lý tài liệu để tiến hành đánh giá độc lập hoặc tra cứu, cung cấp thông tin kịp thời khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống cấp nước;
- e) Xây dựng cơ chế tiếp nhận và xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng hoặc cộng đồng.

8. Lập các chương trình hỗ trợ và kế hoạch triển khai bao gồm:

- a) Chương trình bảo dưỡng phòng ngừa, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống cấp nước, tăng tuổi thọ phục vụ của các công trình và thiết bị, ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro, sự cố;
- b) Chương trình đánh giá độc lập để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn;

c) Chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ cán bộ và công nhân về cấp nước an toàn;

d) Chương trình tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và an toàn.

9. Xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn; đề xuất, kiến nghị điều chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn cho giai đoạn tiếp theo.

Điều 5. Kinh phí thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn

Kinh phí thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn do đơn vị cấp nước lập và được tính vào chi phí sản xuất chung trong giá tiêu thụ nước sạch được thẩm định và phê duyệt theo quy định.

Điều 6. Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh

1. Thành phần Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh bao gồm: đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh; đại diện lãnh đạo của các cơ quan chuyên môn: Xây dựng, Y tế (bao gồm cả Trung tâm y tế dự phòng tỉnh), Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Cảnh sát môi trường; đại diện đơn vị cấp nước và các tổ chức, cơ quan khác có liên quan.

2. Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh

a) Chỉ đạo, điều phối, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, tổng kết, đánh giá các kết quả thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc bảo vệ, phòng ngừa các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, khu vực bảo vệ nguồn nước. Chỉ đạo việc khắc phục xử lý kịp thời các sự cố, các vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước tại vị trí thu nước của công trình cấp nước và các công trình thuộc hệ thống cấp nước;

c) Huy động các nguồn lực trong nước và nước ngoài để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, các chương trình, dự án trong kế hoạch cấp nước an toàn;

d) Lập kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo hàng năm và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

e) Chỉ đạo việc tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm và an toàn.

3. Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo là Sở Xây dựng. Các thành viên của Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được sử dụng bộ máy giúp việc của cơ quan mình để thực hiện nhiệm vụ do Trưởng ban chỉ đạo giao.

4. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo được cấp từ nguồn ngân sách hàng năm của địa phương.

Điều 7. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc lập, phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh;

b) Phê duyệt kế hoạch và lộ trình thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo thẩm quyền;

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, phân công, phân cấp quản lý cho các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân các cấp do mình quản lý triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn;

d) Phê duyệt và bố trí kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn;

e) Ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích và khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt và duy trì kế hoạch cấp nước an toàn.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm phối hợp thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo nhiệm vụ do UBND cấp tỉnh giao và tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn do mình quản lý.

3. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh;

b) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện cấp nước an toàn;

c) Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình triển khai kế hoạch cấp nước an toàn đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Xây dựng.

4. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước

a) Lập kế hoạch cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước do mình quản lý theo nội dung quy định tại Điều 4 của Thông tư này trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo đúng lộ trình và nhiệm vụ đã được phê duyệt;

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan đánh giá các tác động ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước, đề xuất các biện pháp quản lý các nguồn ô nhiễm

nhằm bảo vệ và duy trì chất lượng nước, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp làm ô nhiễm nguồn nước, thông báo kịp thời tình hình chất lượng nước cấp trên các phương tiện thông tin đại chúng;

d) Xác định ranh giới, lắp đặt biển báo, tổ chức bảo vệ an toàn khu vực thu nước, hệ thống cấp nước; phát hiện và ngăn chặn kịp thời, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm, gây mất an toàn cho hoạt động cấp nước trên địa bàn do mình quản lý;

d) Giải quyết và xử lý sự cố, khôi phục và cung cấp ổn định cho khách hàng sau sự cố thuộc hệ thống sản xuất và cung cấp nước do mình quản lý;

e) Đề xuất lựa chọn các nguồn nước khai thác lâu dài, dự phòng và công nghệ xử lý phù hợp theo từng giai đoạn nhằm bảo đảm cung cấp dịch vụ cấp nước đạt chất lượng và hiệu quả;

f) Lập bộ phận cấp nước an toàn của đơn vị để xây dựng và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn. Đội ngũ cán bộ bộ phận cấp nước an toàn của đơn vị phải có kinh nghiệm về chuyên môn và quản lý vận hành hệ thống cấp nước;

g) Tham gia tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm và an toàn. Phối hợp với các trường học tổ chức các buổi đào tạo ngoại khoá giới thiệu cho học sinh, sinh viên ý nghĩa và tầm quan trọng của nước sạch và các vấn đề bảo vệ môi trường;

h) Báo cáo định kỳ tình hình triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn cấp nước đến Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh và Sở Xây dựng.

5. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

Thực hiện các quy định của pháp luật về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch. Đồng thời, phát hiện, ngăn chặn và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm nhằm bảo đảm thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

Điều 8. Thanh tra, kiểm tra

Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện các quy định về bảo đảm cấp nước an toàn trên địa bàn do mình quản lý theo các quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 04/01/2013 và thay thế Quy chế đảm bảo an toàn cấp nước được ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận: *Been*

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Công báo, Website của Chính phủ, Website BXD;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc BXD;
- Lưu: VP, Vụ PC, Vụ KTXD, Cục HTKT, CTN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



linh
Cao Lại Quang